

# Nhập siêu 9 tháng là 6,5 tỉ đô la

PHẠM ĐĂNG THỊNH

**G**ia cả xuất khẩu giảm là nguyên nhân chính làm triệt tiêu sự tăng trưởng về khối lượng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, đồng thời còn làm cho kim ngạch xuất khẩu chung giảm sút đáng kể so với cùng kỳ năm 2008. Dự báo kim ngạch xuất khẩu cả năm 2009 chỉ đạt 57- 58 tỉ đô la, thấp hơn so với kế hoạch điều chỉnh là 64,56 tỉ đô la Mỹ.

Theo Bộ Công Thương, kim ngạch xuất khẩu tháng 9 ước đạt 4,68 tỉ đô la Mỹ, giảm 11,3% so với cùng kỳ năm 2008 và tăng 3,5% so với tháng 8 (4,52 tỉ đô la Mỹ), chủ yếu do tăng lượng dầu thô xuất khẩu vì Nhà máy Lọc dầu Dung Quất tạm ngưng hoạt động trong tháng 9 nên chưa sử dụng đến nguồn dầu thô khai thác được. Tính chung kim ngạch xuất khẩu chín tháng đầu năm đạt trên 41,7 tỉ đô la Mỹ, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2008 và bằng 64,6% kế hoạch năm, trong đó các mặt hàng phi dầu thô chỉ giảm 7,4%.

Khối lượng hàng hóa xuất khẩu chín tháng đầu năm nay tăng khá so với cùng kỳ năm ngoái. Nhiều nhóm/mặt hàng xuất khẩu chủ lực đạt mức tăng đáng kể về khối lượng xuất khẩu như gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, hạt điều, chè, sắn, dầu thô, xăng dầu, vàng và đá quý... kể cả hàng dệt may cũng tăng về lượng nhưng do giá giảm nên kim ngạch không tăng. Tuy nhiên, bên cạnh đó lại có một số mặt hàng quan trọng khác vẫn tiếp tục gặp khó khăn do nhu cầu thị trường suy giảm nên xuất khẩu vẫn giảm sút về khối lượng lẫn giá trị như: đồ gỗ, giày dép, dây cáp điện, mây tre đan, đồ gốm và đồ sứ... Tính sơ bộ, khối lượng hàng hóa xuất khẩu chín tháng đầu năm tăng 10,7% so với cùng kỳ năm 2008 làm cho kim ngạch xuất khẩu chung tăng 5,2 tỉ đô la Mỹ.

Gần đây giá cả hàng hóa thế giới có xu hướng nhích dần lên nhưng nhìn chung vẫn còn giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Tính sơ bộ, giá cả hàng hóa xuất khẩu chín tháng đầu năm đã giảm trung bình 22,5%, làm cho kim ngạch xuất khẩu chung giảm tới 12,1 tỉ đô la Mỹ. Trong số đó, riêng dầu thô bị giảm gần 4,8 tỉ, gạo hơn 1 tỉ, dệt may 918 triệu, cao su 598 triệu và cà phê giảm 550 triệu đô la Mỹ...

Xuất khẩu ba tháng còn lại của năm nay được dự báo sẽ khả quan hơn các tháng đầu năm, nhưng kim ngạch xuất khẩu cũng không thể tăng nhanh, nhất là kim ngạch xuất khẩu dầu thô sẽ giảm nhiều do phải dành để chế biến trong nước. Dự báo kim ngạch xuất khẩu cả năm 2009 chỉ đạt từ 57 đến 58 tỉ đô la, không đạt kế hoạch đề ra là 64,56 tỉ đô la.

Trong khi đó, nhập khẩu tháng 9 ước đạt 6,2 tỉ đô la, tăng 6% so với mức thực hiện của tháng 8. Tính chung kim ngạch nhập khẩu 9 tháng đầu năm ước đạt 48,3 tỉ đô la, giảm 24,9% so cùng kỳ năm 2008 và bằng 63,9% kế hoạch năm.

Như vậy, cộng với mức nhập siêu của tháng 9 là 1,52 tỉ đô la thì mức nhập siêu của 9 tháng đầu năm là 6,54 tỉ đô la, bằng 15,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Dự báo cả năm 2009, tỷ lệ này vẫn thấp hơn con số 20%. ■

Kết quả xuất nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2009				
	Ước thực hiện chín tháng/2009		So với cùng kỳ (%)	
	Số lượng (1.000 tấn)	Tri giá (triệu USD)	Số lượng	Tri giá
<b>Tổng trị giá xuất khẩu</b>		<b>41.736</b>		<b>85,7</b>
<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>		21.429		80,7
<i>Mặt hàng chủ yếu xuất khẩu</i>				
Thủy sản		3.027		90,5
Rau quả		317		102,5
Nhân điều	131	607	106,0	86,9
Cà phê	884	1.307	114,4	80,3
Chè các loại	97	126	121,7	113,1
Hạt tiêu	110	266	152,1	105,0
Gạo	4.982	2.244	134,1	92,2
Sắn và các sản phẩm từ sắn	2.902	469	293,8	167,6
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		200		97,9
Than đá	17.589	913	102,4	78,8
Dầu thô	10.948	4.768	108,6	54,4
Xăng dầu các loại	1.371	644	153,3	81,9
Quặng và khoáng sản khác	1.217	83		49,5
Hóa chất		57		88,8
Sản phẩm hóa chất		192		97,3
Chất dẻo nguyên liệu	97	99		62,6
Sản phẩm chất dẻo		604		89,5
Cao su	491	734	107,0	59,0
Sản phẩm từ cao su		107		78,9
Túi xách, va li, mũ, ô dù		544		91,3
Mây, tre, cói và thảm		129		78,4
Sản phẩm gỗ		1.768		85,8
Giấy và sản phẩm từ giấy		196		75,8
Hàng dệt và may mặc		6.730		99,0
Giày dép các loại		2.958		86,3
Gốm, sứ		189		74,2
Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh		196		123,6
Đá quý và kim loại quý và sản phẩm		2.648		378,6
Sắt thép các loại	299	247		17,2
Sản phẩm từ sắt thép		410		80,0
Hàng điện tử và linh kiện máy tính		1.921		100,0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		1.369		100,0
Dây điện và cáp điện		564		73,6
Phương tiện vận tải và phụ tùng		592		70,8
<b>Tổng trị giá nhập khẩu</b>		<b>48.278</b>		<b>74,8</b>
<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>		17.738		80,1
<i>Mặt hàng chủ yếu nhập khẩu</i>				
Hàng thủy sản		198		86,3
Sữa và sản phẩm từ sữa		375		93,7
Hàng rau quả		191		139,3
Lúa mì	969	242	174,2	101,0
Dầu mỡ động, thực vật		364		67,5
Thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu		1.402		97,1
Nguyên, phụ liệu thuốc lá		192		116,1
Clinker	2.499	94	88,2	75,8
Xăng dầu	9.697	4.530	95,6	47,4
Khí đốt hóa lỏng	554	289	106,7	60,7
Sản phẩm từ dầu mỏ khác		374		87,6
Hóa chất		1.181		83,4
Sản phẩm hóa chất		1.093		88,1
Nguyên liệu dược phẩm		136		105,6
Dược phẩm		799		128,4
Phân bón	3.253	1.035	121,1	77,5
Ure	1.047	309	166,1	124,0
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		334		85,8
Chất dẻo nguyên liệu	1.646	2.015	125,3	86,3
Sản phẩm từ chất dẻo		752		87,4
Cao su các loại	210	269	137,9	64,8
Sản phẩm từ cao su		176		97,1
Gỗ và sản phẩm		631		72,3
Giấy các loại	741	546	105,7	94,7
Sản phẩm từ giấy		223		171,7
Bông	221	276	100,3	81,0
Xơ, sợi các loại	362	563	115,9	92,7
Vải		3.049		91,6
Nguyên, phụ liệu dệt, may, da giày		1.350		75,2
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		113		4,0
Thép các loại	7.314	3.822	101,2	64,5
Phôi thép	1.909	781	92,8	52,3
Sản phẩm từ thép		943		87,7
Kim loại thường khác	389	1.064	112,4	74,8
Sản phẩm từ kim loại thường khác		131		97,9
Điện tử, máy tính và linh kiện		2.700		99,4
Máy, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng		8.327		84,6
Dây điện và dây cáp điện		279		72,9
Ô tô nguyên chiếc (tính bằng chiếc)	46.925	737	103,5	82,9
Linh kiện, phụ tùng ô tô		1.095		72,1
Linh kiện và phụ tùng xe gắn máy		402		87,8
Xe máy nguyên chiếc	84	99	80,8	93,3
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng		382		56,1

Ghi chú: chưa tính phần xuất nhập khẩu dịch vụ